

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2018/DS-ST

Ngày: 07-11-2018

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2170/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Ngọc T – sinh năm: 1965, địa chỉ: 100/1 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc P – sinh năm: 1986, địa chỉ: 110/1 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Bảy L, sinh năm: 1987, địa chỉ: 110/1 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 08/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Đỗ Ngọc T trình bày:

Vào năm 2016 bà có cho chị P vay tiền nhiều lần, mỗi lần có khi 5 triệu có khi 10 triệu, khi chị P có yêu cầu vay thì bà đưa tiền chứ không có làm giấy tờ gì, mức lãi suất thỏa thuận cứ vay 1.000.000 đồng thì đóng lãi là 8.000 đồng/ngày. Chị P cũng có đóng lãi nhưng không đầy đủ. Tuy nhiên vào ngày 16/12/2016 âm lịch bà và chị P đã thống nhất tổng kết số tiền vay mà chị P còn nợ bà gồm: 105.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng, hẹn đến tháng 3/2017 âm lịch sẽ trả, chị P trực tiếp viết biên nhận nợ cho bà. Do đã tổng kết nợ nên số tiền cụ thể của từng lần vay, thời gian vay cụ thể và số tiền lãi đã đóng trước khi chị P viết biên

nhận nay bà không nhớ được.

Đồng thời cùng ngày 16/12/2016 âm lịch chị P có vay thêm 10.500.000 đồng nên có viết thêm vào biên nhận nợ với nội dung mượn thêm 10.500.000 đồng, như vậy tổng số tiền mà chị P đã vay của bà là 115.500.000 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 16/12/2016 âm lịch cho đến nay chị P không có đóng bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà. Tiền nợ gốc chị P có trả hai lần là 15.000.000 đồng nên khấu trừ vào số tiền gốc chị P nợ bà nay được tính như sau: 115.500.000 đồng – 15.000.000 đồng = 100.500.000 đồng. Bà đã cung cấp bản sao biên nhận nợ nêu trên cho Tòa án trong quá trình khởi kiện và đã giao nộp bản gốc biên nhận nợ tại phiên tòa hôm nay.

Trước đây do nhầm lẫn nên bà yêu cầu tính lãi từ ngày 16/12/2016 âm lịch đến ngày 28/02/2018 âm lịch (vì tính tương đương với ngày dương lịch là sau ngày bà nộp đơn khởi kiện ngày 15/3/2018), nay bà xác định bà yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 16/12/2016 âm lịch tức là ngày 13/01/2017 dương lịch đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là ngày 07/11/2018 với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng; tiền lãi được tính như sau: 100.500.000 đồng x 21 tháng 25 ngày x 0,75% = 16.456.000 đồng (làm tròn số).

Chị P vay tiền của bà để nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của vợ chồng chị P và lo trang trải trong gia đình. Anh Phạm Bảy L là chồng của chị P hiện nay chị P và anh L vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp nên bà yêu cầu chị P và anh L là chồng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay 116.956.000 đồng gồm: 100.500.000 đồng vốn gốc và 16.456.000 đồng tiền lãi.

Bà không đồng ý việc chị P xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi tất nợ.

Bà xác định bà không yêu cầu chị P trả khoản tiền lãi 36.000.000 đồng mà chị P ghi trong giấy nhận nợ trước đây vì bà đã yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 16/12/2016 âm lịch.

Theo nội dung bản khai; biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của bà T nhiều lần và đến ngày 16/12/2016 âm lịch chị và bà T có tổng kết nợ, chị có viết biên nhận nợ cho bà T như nội dung mà bà T đã trình bày. Chị xác định hiện chị còn nợ bà T số tiền gốc đã vay là 100.500.000 đồng và từ ngày 16/12/2016 âm lịch cho đến nay chị không có đóng tiền lãi cho bà T. Chị vay tiền của bà T là để phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng, để lo cho các con và trang trải nợ nần trong gia đình nhưng vì làm ăn thua lỗ nên chưa trả được nợ cho bà T. Chị xác định chị và anh Phạm Bảy L là chồng chị phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà T, vì gia cảnh khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc bà T yêu cầu tính lãi đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật. Chị không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà chị đã đóng cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Bảy L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Ngọc T thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị Trúc P cùng cư trú tại xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: bị đơn Nguyễn Thị Trúc P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm bảy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh L.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực và được thực hiện kéo dài cho đến thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng do nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 vì vậy nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Qua quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay tài sản được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng thỏa thuận dẫn đến vi phạm hợp đồng.

Quá trình hòa giải nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền vốn gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 100.500.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay và 16.456.000 đồng tiền nợ lãi phát sinh là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về mức lãi suất vay mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn trình bày không thống nhất, cụ thể: nguyên đơn trình bày là 24%/tháng (tương đương 8.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng), bị đơn trình bày là 30%/tháng (tương đương 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng). Mặc dù vậy nhưng qua đó có căn cứ xác định lãi suất

mà nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận là vượt quá quy định về lãi suất tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên bị đơn thừa nhận không đóng tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày viết biên nhận nợ (ngày 16/12/2016 âm lịch) và bị đơn không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bị đơn; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 36.000.000 đồng đã ghi trong giấy nhận nợ; cả nguyên đơn và bị đơn đều không xác định được số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn, số tiền lãi 36.000.000 đồng được ghi trong biên nhận nợ ngày 16/12/2016 âm lịch.

[6] Đối với việc chị P có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi tắt nợ vì hiện nay vợ chồng chị đang gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên xét nội dung này không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng; yêu cầu được trả dần vốn gốc của chị P cũng không được bà T chấp nhận. Mặt khác chị P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[7] Chị P vay tiền nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của vợ chồng, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc chị P và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vay gồm: 100.500.000 đồng vốn gốc và 16.456.000 đồng tiền lãi cho bà T là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên chị P và anh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc T. Buộc chị Nguyễn Thị Trúc P và anh Phạm Bảy L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Ngọc T số tiền nợ vay 116.956.000 đồng, gồm: vốn gốc 100.500.000 đồng; tiền lãi: 16.456.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị Trúc P và anh Phạm Bảy L có nghĩa vụ liên đới chịu 5.847.800 đồng.

Bà Đỗ Ngọc T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.776.000 đồng theo biên lai thu số 0014387 ngày 15 tháng 3 năm 2018 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016351 ngày 08 tháng 6 năm 2018.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Cao Thanh Minh

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh

